ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

Nghiên cứu được thực hiện bởi sự phối hợp giữa

CIFOR và Trung tâm Phát triển Nông thôn Tây Nguyên

CIFOR

World Agroforestry

CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry

Global Landscapes Forum

Resilient Landscapes

Tổng quan về PFES tại Đắk Lắk

- Tổng quan về PFES tại Đăk Lăk
- Tác động môi trường
- Tác động kinh tế
- Tác động xã hội
- Khuyến nghị

Tổng quan về PFES tại Đắk Lắk

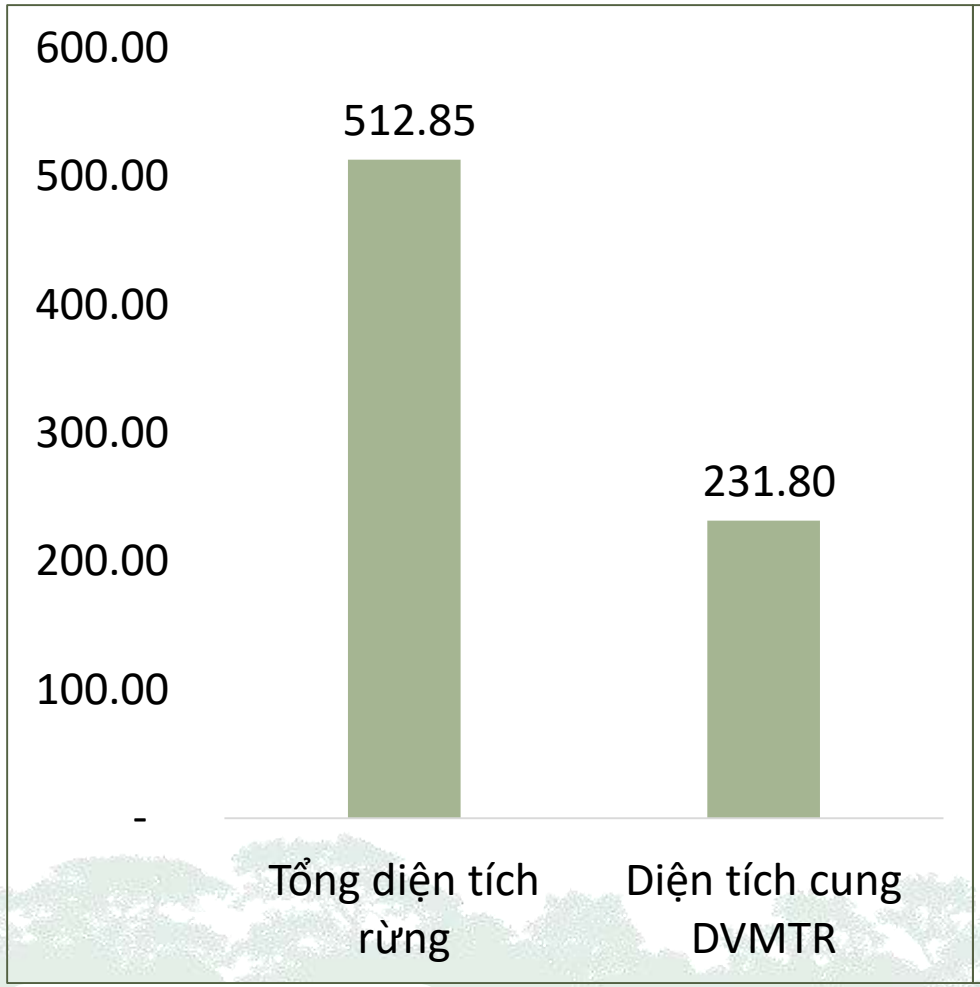

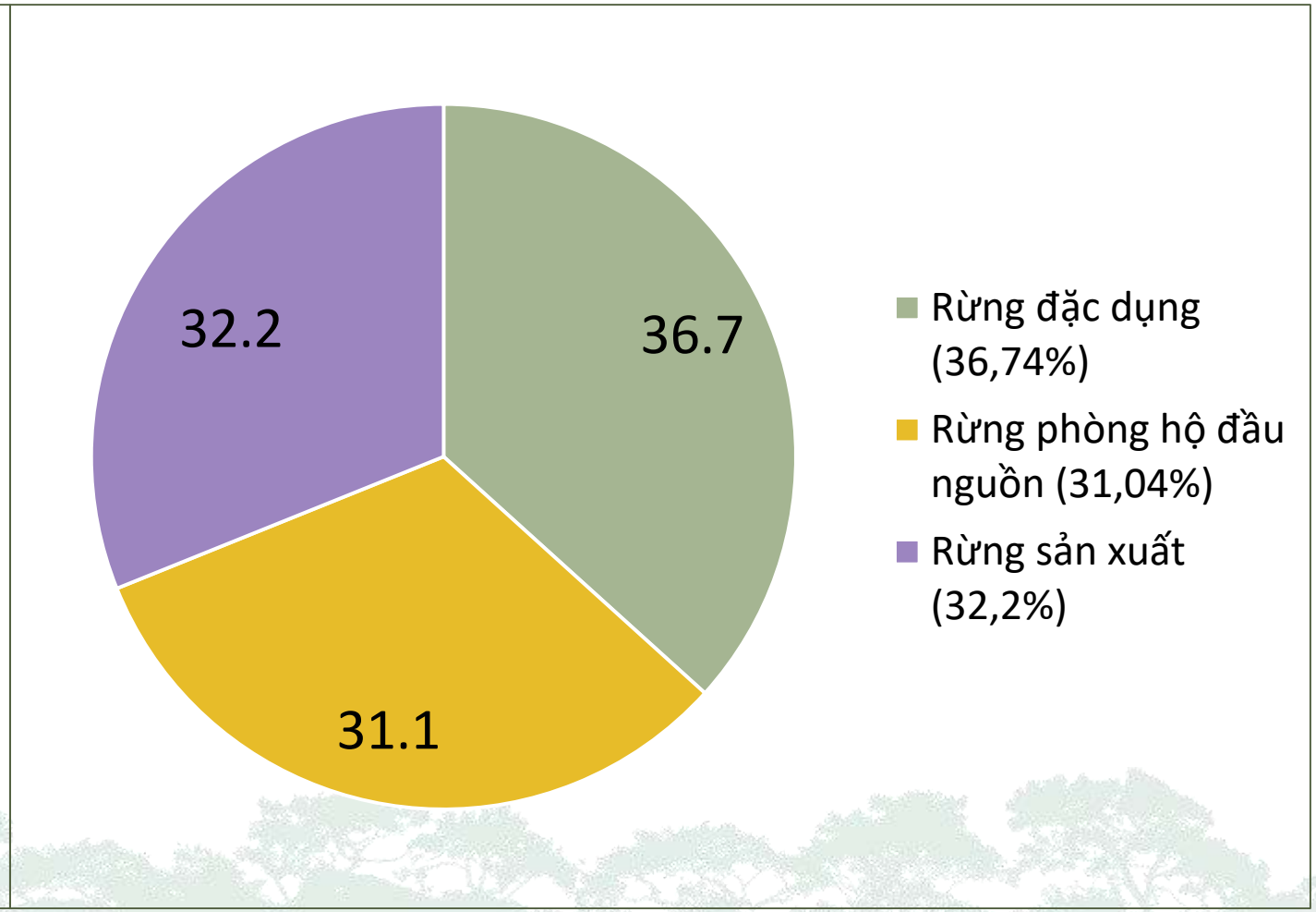

CIFOR
World Agroforestry
CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry
Global Landscapes Forum
Resilient Landscapes

Tác động môi trường - Diễn biến diện tích rừng của tỉnh không ổn định kể từ khi có PFES

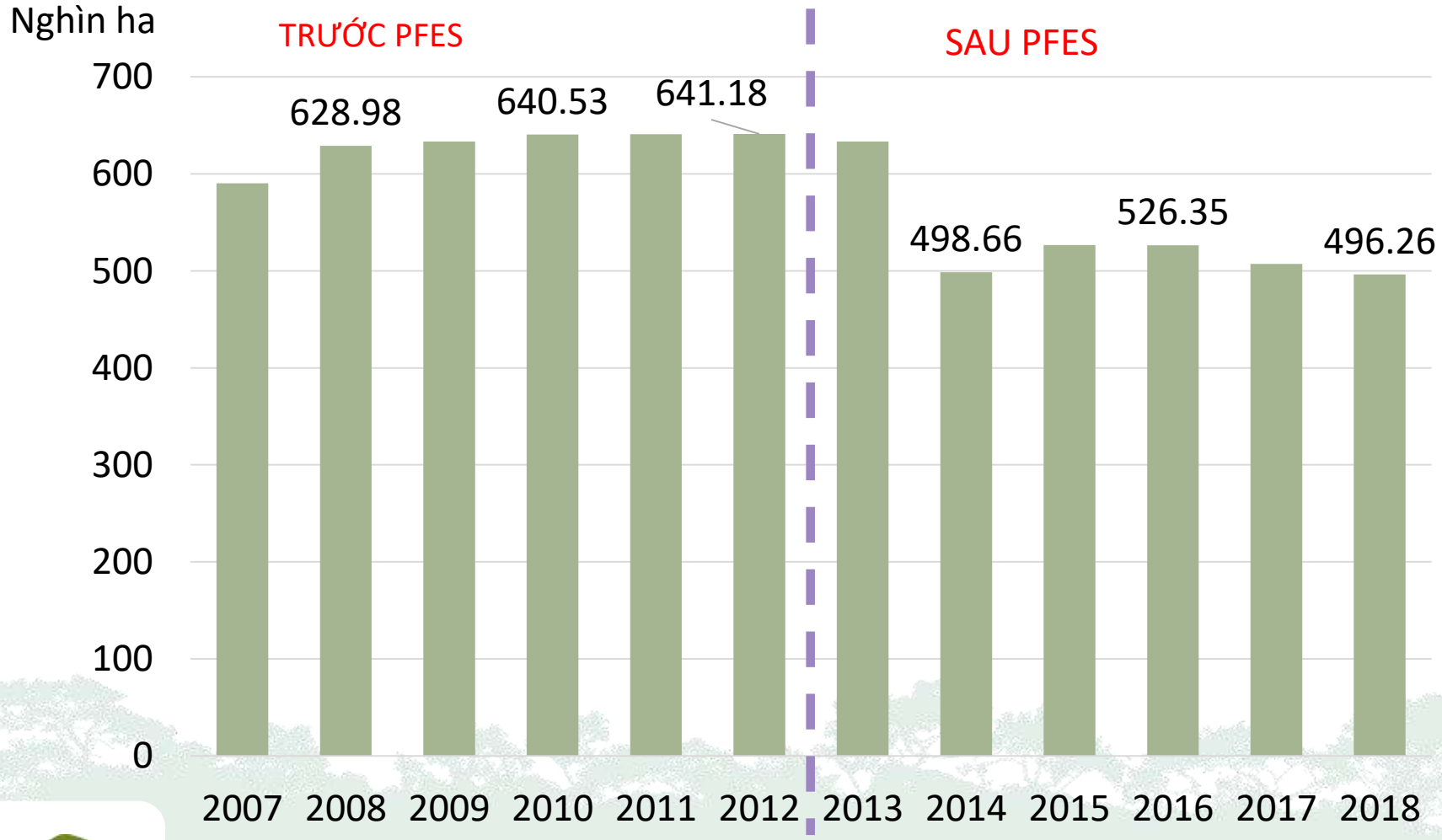

CIFOR
World Agroforestry
CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry
Global Landscapes Forum
Resilient Landscapes

Tác động môi trường - Giai đoạn 2014-2018
độ che phủ rừng tỉnh Đắk Lắk giảm

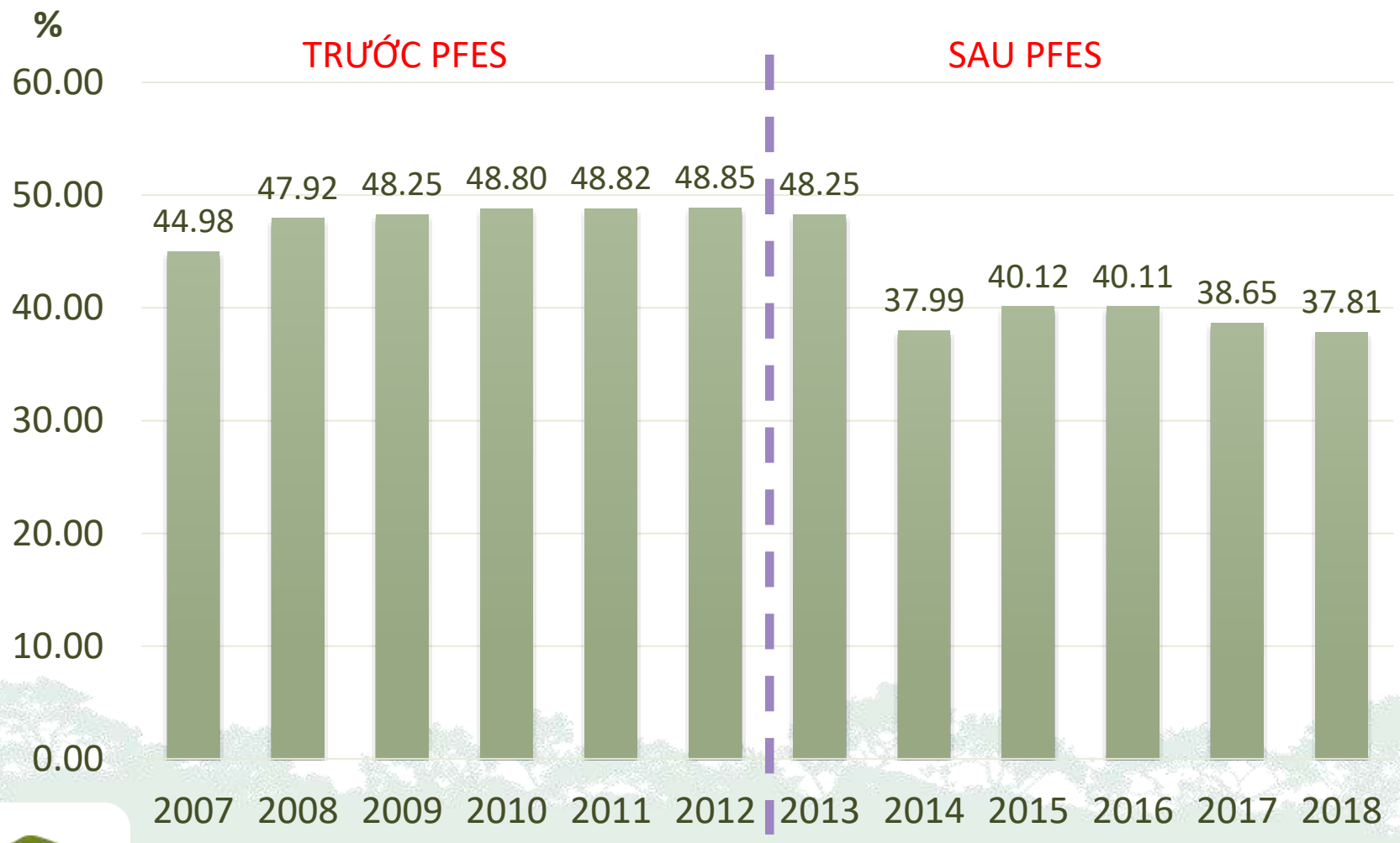

CIFOR
World Agroforestry
CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry
Global Landscapes Forum
Resilient Landscapes

Tác động môi trường - Diện tích rừng cấp huyện giảm

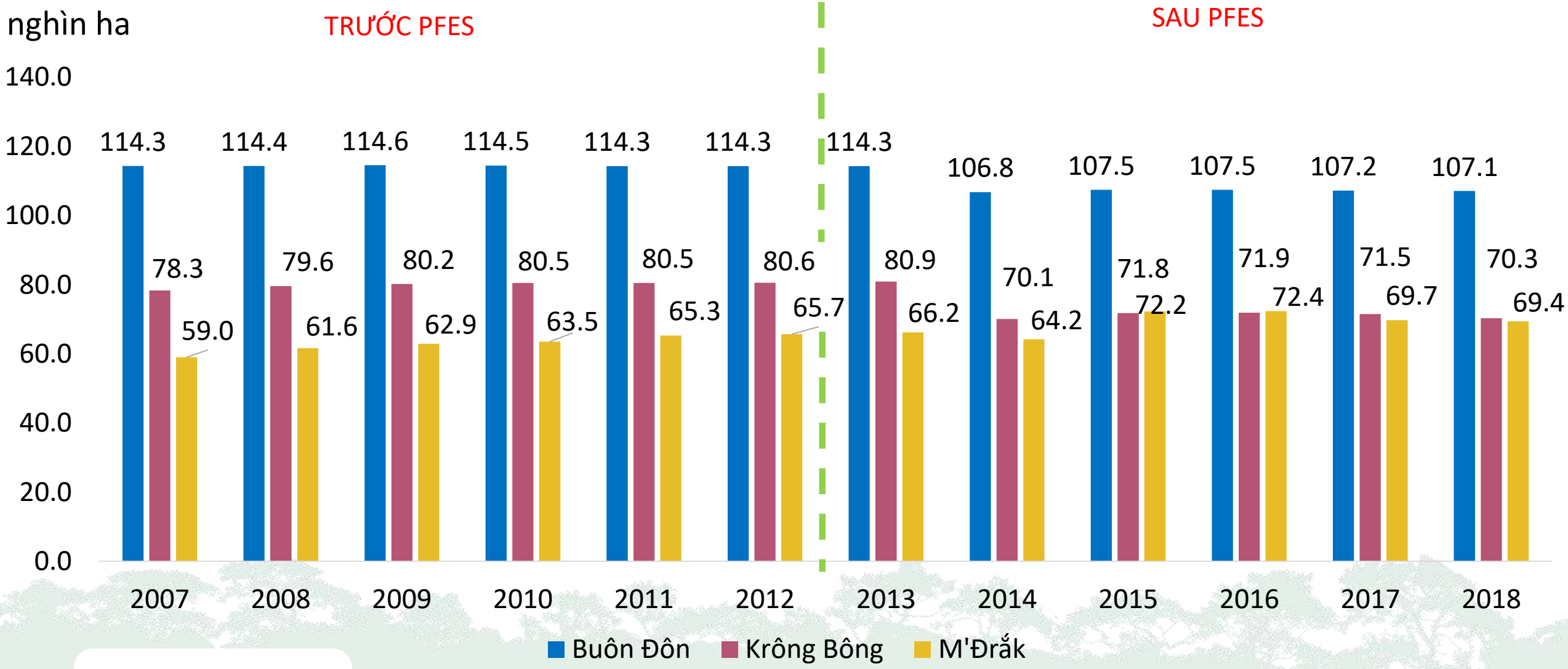

CIFOR

World Agroforestry

CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry

Global Landscapes Forum

Resilient Landscapes

Tác động môi trường - Độ che phủ rừng giảm

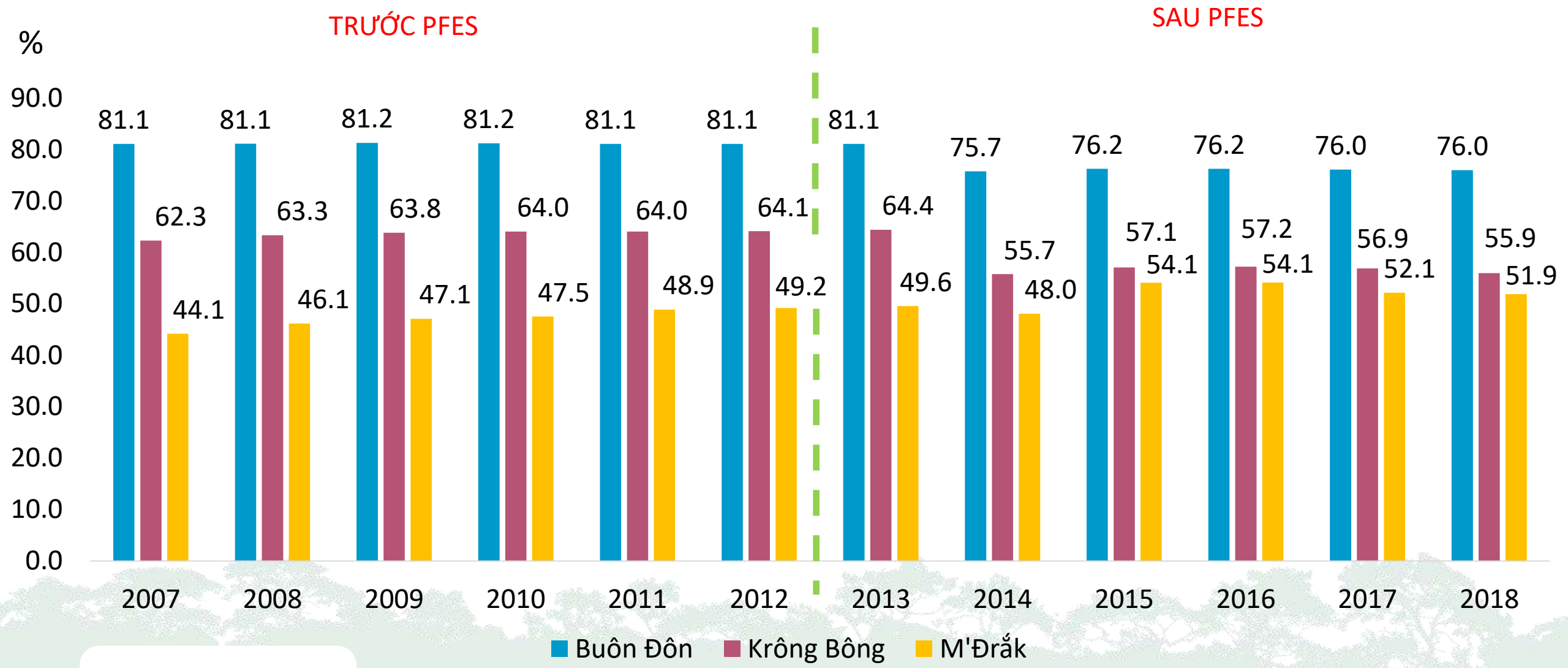

CIFOR

World Agroforestry

CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry

Global Landscapes Forum

Resilient Landscapes

Diện tích rừng tự nhiên giảm, diện tích rừng trồng tăng

Năm	Buôn Đôn		Krông Bông		M'Đrắk	
	Rừng tự nhiên (%)	Rừng trồng (%)	Rừng tự nhiên (%)	Rừng trồng (%)	Rừng tự nhiên (%)	Rừng trồng (%)
2007	99.98	0.02	99.35	0.65	89.12	10.88
2008	99.97	0.03	97.72	2.28	85.26	14.74
2009	99.75	0.25	96.92	3.08	83.50	16.50
2010	99.74	0.26	96.49	3.51	82.36	17.64
2011	99.74	0.26	96.42	3.58	79.80	20.20
2012	99.74	0.26	96.16	3.84	79.24	20.76
2013	99.74	0.26	95.52	4.48	78.39	21.61
2014	99.69	0.31	98.79	1.21	90.50	9.50
2015	99.19	0.81	96.92	3.08	81.01	18.99
2016	99.19	0.81	96.79	3.21	81.01	18.99
2017	99.17	0.83	96.81	3.19	82.79	17.21
2018	99.28	0.72	98.37	1.63	83.36	16.64

Tình hình xâm lấn đất rừng của nhóm hộ điều tra

Chỉ tiêu	Huyện M'Đrắk		Vùng đệm VQG	
	CÓ PFES	KHÔNG PFES	CÓ PFES	KHÔNGPFES
Mức độ xâm lấn				
+ Tỷ lệ hộ xâm lấn (%)	4.17	4.17	3.33	2.50
+ Diện tích rừng xâm lấn/hộ xâm lấn (ha)	0.52	0.52	0.48	0.50
Mục đích xâm lấn				
+ Sử dụng để trồng cây nông nghiệp (%)	100.00	40.00	100.00	100.00
+ Sử dụng để trồng cây lâm nghiệp (%)	0.00	60.00	0.00	0.00

Tác động môi trường trước và sau khi có PFES

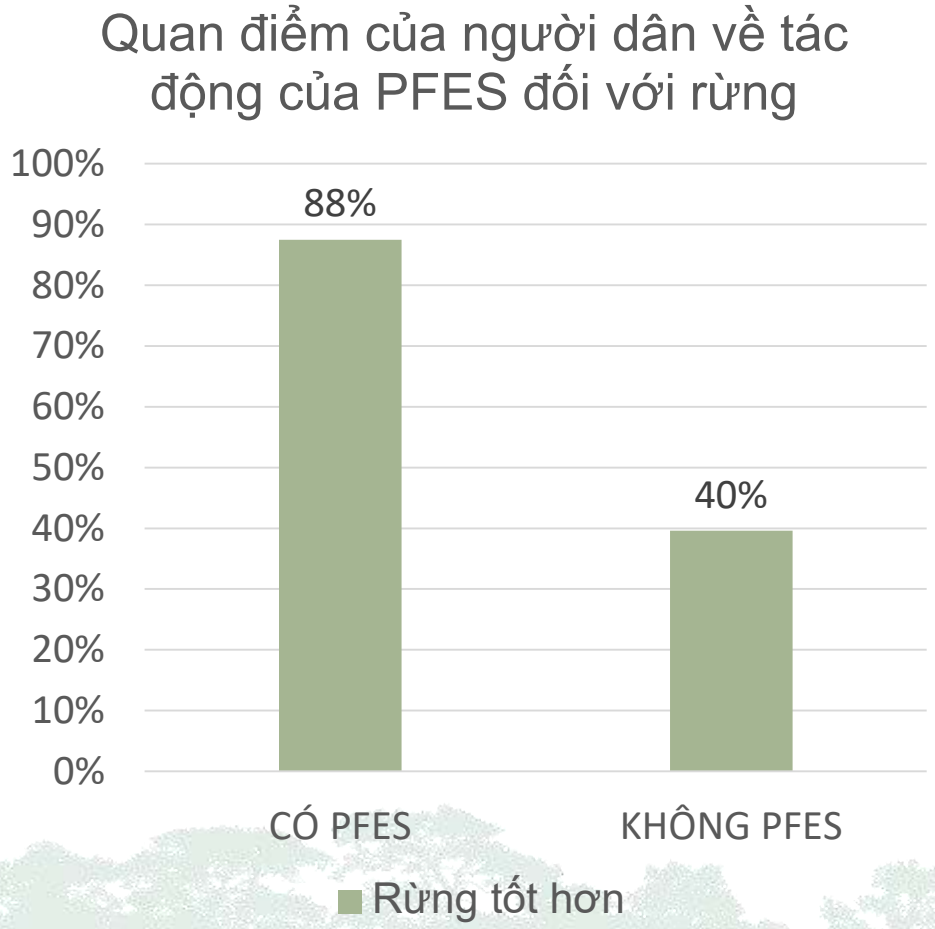

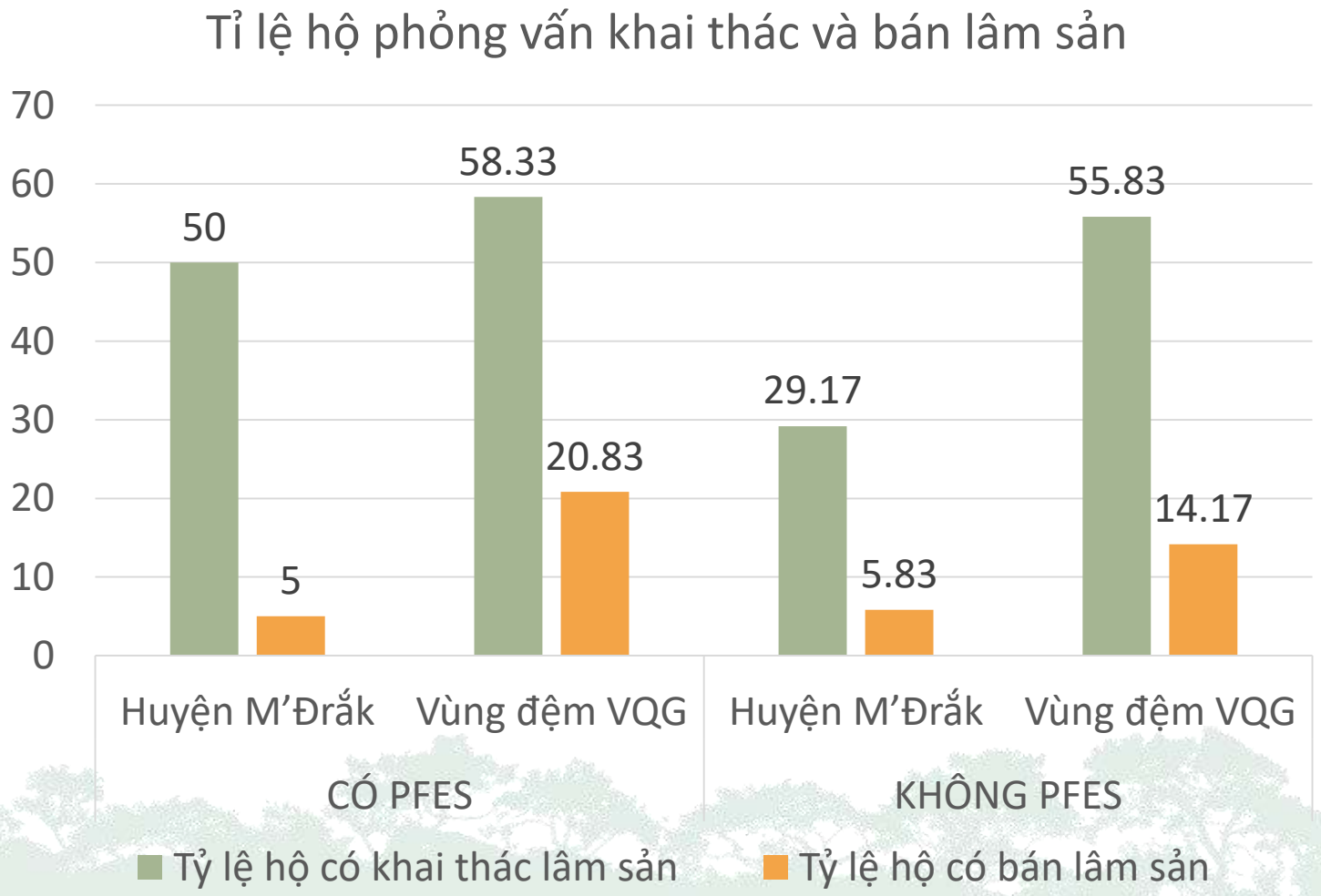

CIFOR World Agroforestry CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry Global Landscapes Forum Resilient Landscapes

Đóng góp của chính sách đến nguồn tài chính cho công tác BV&PTR

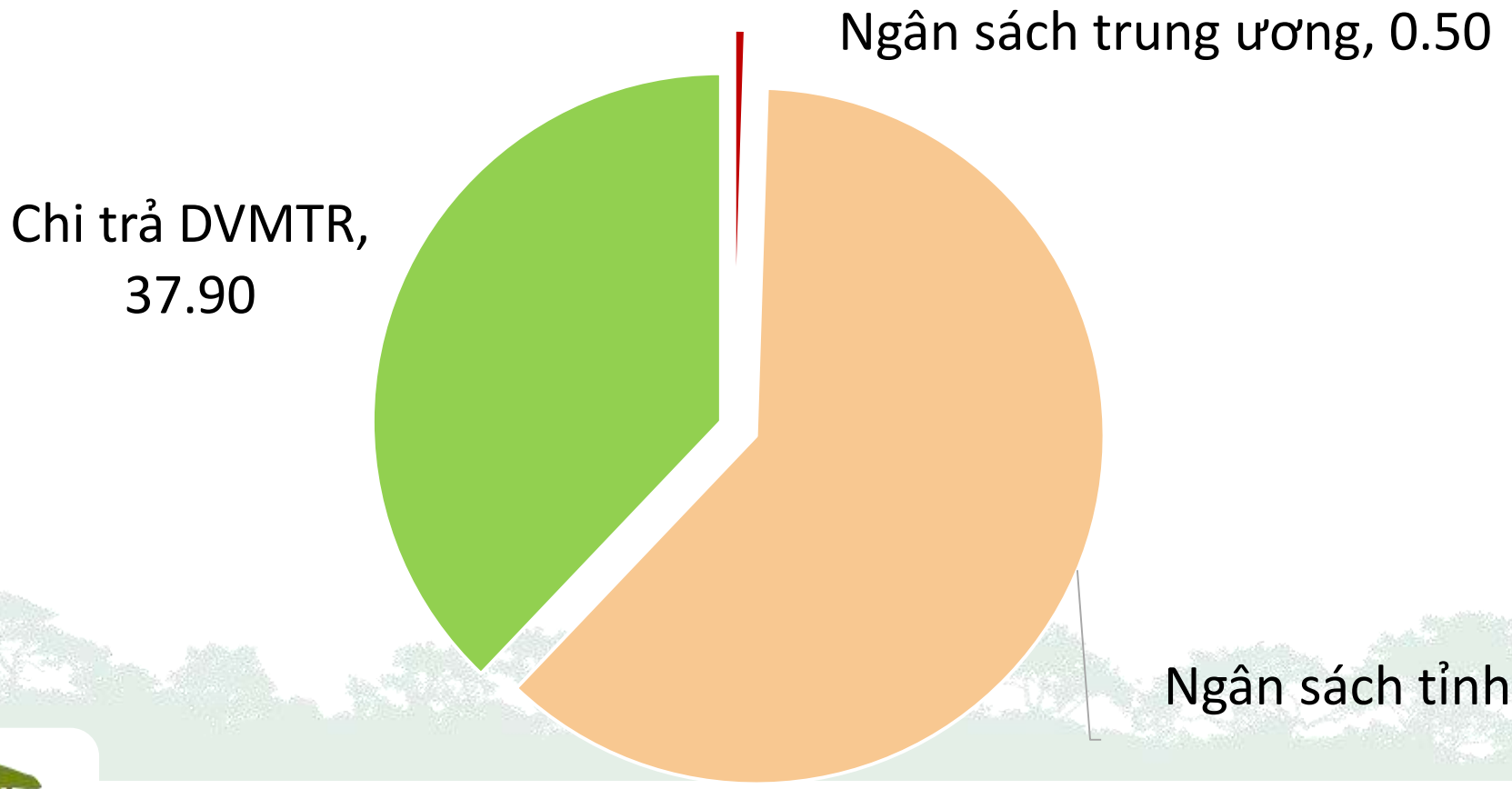

CIFOR
World Agroforestry
CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry
Global Landscapes Forum
Resilient Landscapes

Thu nhập của hộ khảo sát (triệu đồng/hộ)

Chỉ tiêu	Huyện M'Đrắk		Vùng đệm vườn quốc gia	
	CÓ PFES	KHÔNG PFES	CÓ PFES	KHÔNG PFES
Tổng thu nhập	**72.33**	**50.27**	**52.26**	**46.94**
Trồng trọt	42.31	23.95	18.01	12.16
Chăn nuôi	4.79	2.81	3.5	2.44
SP từ rừng	**0.19**	**0.02**	**0.22**	**0.69**
Làm thuê	7.63	17.87	6.06	9.54
BVR	**5.89**	**0**	**7.47**	**2.05**
Lương	4.18	2.91	6.52	9.92
Lương hưu	0.92	0.48	0.8	0.95
Trợ cấp	1.75	0.14	0.95	0.47
Kinh doanh	0.9	0.7	3.48	3.41
Khác	3.77	1.4	5.25	5.31

- Tổng thu nhập của hộ có PFES cao hơn hộ không có PFES từ 5.32 – 22.06 triệu
- Thu nhập từ bảo vệ rừng của hộ có PFES cao hơn từ 5.42 – 5.89 triệu

CIFOR World Agroforestry CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry Global Landscapes Forum Resilient Landscapes

Tác động của chính sách tới một số chỉ tiêu sinh kế của hộ

Chỉ tiêu	Huyện M'Đrắk			Vùng đệm VQG		
	CÓ PFES	KHÔNG PFES	Khác biệt	CÓ PFES	KHÔNG PFES	Khác biệt
Giá trị tài sản mua sắm (tr.đ/hộ)	46.55	20.59	25.96*	22.53	22.25	0.28
Đất đai (ha/hộ)	3.00	2.38	0.62	2.07	1.47	0.60***
Đất đai có giấy chứng nhận (ha/hộ)	0.83	0.64	0.19	0.86	0.41	0.45***
Giá trị sản phẩm từ trồng trọt (tr.đ/hộ)	61.07	33.94	27.13*	34.25	24.28	9.97***
Giá trị đàn vật nuôi (tr.đ/hộ)	23.72	10.66	13.05***	24.06	25.09	-1.03
Chi phí sản xuất (thuê, mua) (tr.đ/hộ)	17.92	10.31	7.62**	16.47	13.04	3.43
Thu nhập từ trồng trọt (tr.đ/hộ)	42.31	23.95	18.37**	18.01	12.16	5.85*
Thu nhập từ chăn nuôi (tr.đ/hộ)	4.79	2.81	1.98	3.50	2.44	1.06
Thu nhập từ sản phẩm rừng (tr.đ/hộ)	0.19	0.02	0.17	0.22	0.69	-0.48
Thu nhập từ BVR (tr.đ/hộ)	5.89	0.00	-	7.47	2.05	5.42***
Thu nhập từ hoạt động khác (tr.đ/hộ)	15.54	22.17	-6.64*	17.83	24.76	-6.93
Tổng thu nhập (tr.đ/hộ)	68.72	48.95	19.77**	47.03	42.11	4.92
Hộ đánh giá thu nhập được cải thiện (%)	64.17	N/A	N/A	60.83	34.17	26.67***
Hộ đánh giá đời sống được cải thiện (%)	43.33	N/A	N/A	42.50	38.33	4.17

Tác động xã hội – từ khi có PFES số diện tích rừng được giao khoán cho người dân tăng

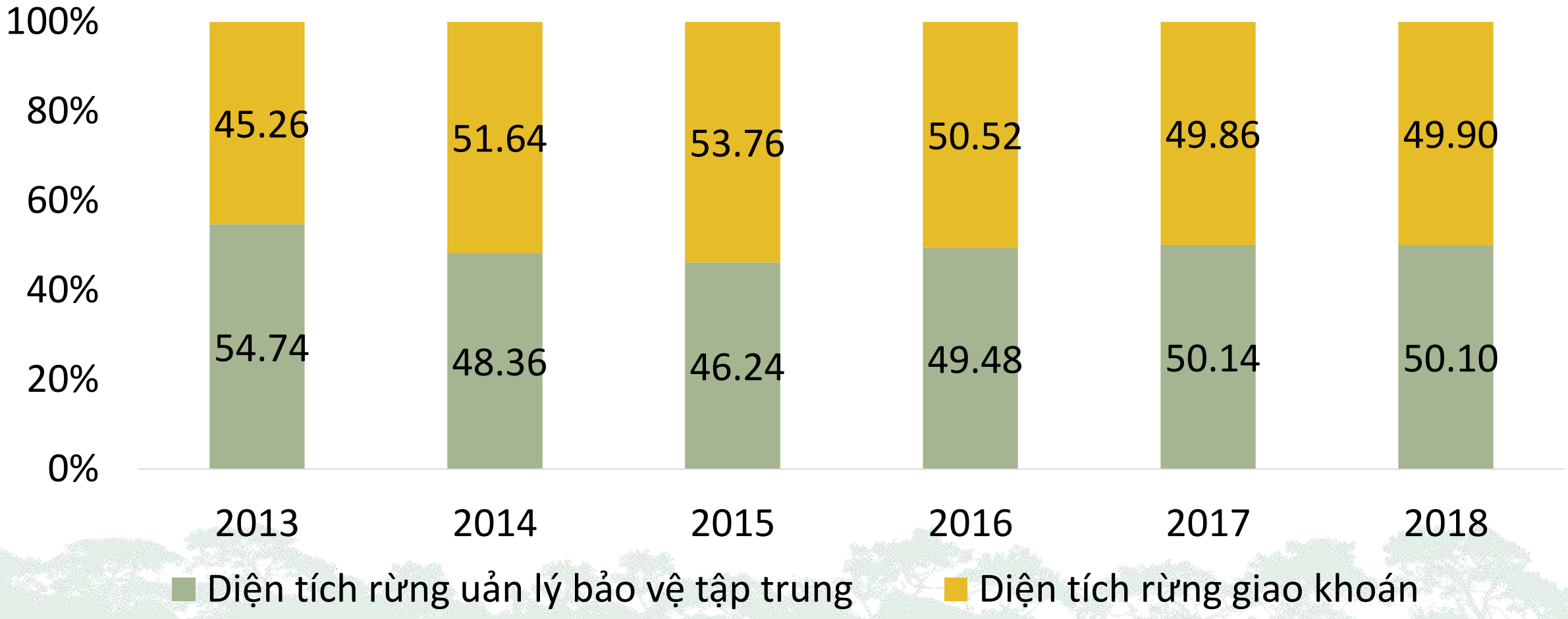

CIFOR World Agroforestry CGIAR Research Program on Forests, Trees and Agroforestry Global Landscapes Forum Resilient Landscapes

Tác động xã hội- tiếp cận thông tin về PFES còn hạn chế

	Huyện M'Đrắk	Vùng đệm VQG
Tiếp cận thông tin từ quỹ BV&PTR	7.50	13.33
Tiếp cận thông tin từ các BQL rừng	23.33	19.17
Tiếp cận thông tin từ công ty lâm nghiệp	0.00	0.83
Tiếp cận thông tin từ từ UBND xã	14.17	15.83
Tiếp cận thông tin từ nguồn khác	4.17	9.17
Chưa tiếp cận thông tin về chính sách	**50.83**	**41.67**

Số hộ được hưởng lợi từ PFES

	Số nhóm/cộng đồng	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Nhóm hộ được giao rừng và đất lâm nghiệp có cung ứng DVMTR	68	1253	17.70
Cộng đồng được giao rừng và đất lâm nghiệp có cung ứng DVMTR	11	1650	23.30
Hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với chủ rừng là tổ chức hoặc ủy ban nhân dân cấp xã	-	4177	59.00
Tổng	-	7080	100.00

Kiến nghị

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để bổ sung nguồn thu từ các loại DVMTR.
- Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng quản lý cơ sở dữ liệu về rừng
- Cần có chính sách phát triển rừng trồng một cách hiệu quả: bao gồm quyền sử dụng đất, tín dụng, kết nối thị trường để rừng trồng phát triển bền vững và đủ điều kiện để hưởng lợi từ PFES
- Có giải pháp thúc đẩy tham gia vào PFES (đặc biệt là cải tiến công tác truyền thông) của các tổ chức, cá nhân chi trả và hưởng lợi
- Các cơ quan quản lý nhà nước cần chủ động hơn trong việc cụ thể hóa chính sách PFES vào đặc thù của mỗi địa phương

Xin chân thành cảm ơn

cifor.org | worldagroforestry.org

foreststreesagroforestry.org | globallandscapesforum.org | resilientlandscapes.org

CIFOR

World Agroforestry

CGIAR RESEARCH PROGRAM ON Forests, Trees and Agroforestry

Global Landscapes Forum

Resilient Landscapes